

Số: /KH-UBND

Đa Kì, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đa Kì
giai đoạn năm 2025 - 2030, hướng đến năm 2045**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Đảng ủy xã Đa Kì về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã;

Ủy ban nhân dân xã Đa Kia ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đa Kia giai đoạn 2025 - 2030, hướng đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*), Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP*), Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (*sau đây viết tắt là Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW*), Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 16/6/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 211/KH-UBND*), Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 92/KH-UBND*), Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 20/8/2025 của Đảng ủy xã Đa Kia về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Kế hoạch số 09-KH/ĐU*).

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch số 09-KH/ĐU phù hợp với tình hình thực tế của xã; hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa địa phương phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, năng suất lao động, chất lượng dịch vụ công, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Yêu cầu

- Các phòng, ban, đơn vị tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số

71/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Kế hoạch số 211/KH-UBND, Kế hoạch số 92/KH-UBND, Kế hoạch số 09-KH/ĐU; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức quán triệt, nghiên cứu, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Kế hoạch số 09-KH/ĐU nghiêm túc, hiệu quả, đồng bộ từ xã đến các thôn; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân cùng tham gia thực hiện.

- Đảm bảo tính đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 469-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 211/KH-UBND, Kế hoạch số 92/KH-UBND, Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 20/8/2025 của Đảng ủy xã, Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân xã cụ thể hóa thành các chỉ tiêu:

Kèm theo Phụ lục I - Danh mục các chỉ tiêu cụ thể giai đoạn năm 2025-2030, hướng đến năm 2045.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Để đạt được các chỉ tiêu đặt ra, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ với các giải pháp được xác định và phân công cụ thể như:

- *Phụ lục II - Danh mục các nhiệm vụ cụ thể giai đoạn năm 2025-2030, hướng đến năm 2045.*

- *Phụ lục III - Danh mục đề xuất các nhiệm vụ khoa học công nghệ giai đoạn năm 2025-2030, hướng đến năm 2045.*

- *Phụ lục IV - Các nội dung nghiên cứu, ứng dụng tập trung thực hiện trên địa bàn xã giai đoạn 2025-2030, hướng đến năm 2045.*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật như sau:

- Ngân sách nhà nước.
- Huy động các nguồn lực xã hội hóa.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng (**trước ngày 10/6**) và hằng năm (**trước ngày 05/12**) báo cáo kết

quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã (thông qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã và cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, kiến nghị, tham mưu Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch.

3. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công chủ trì hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ký số, thanh toán điện tử, định danh VNeID... Triển khai, hỗ trợ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đảm bảo mô hình chính quyền điện tử. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục số hóa, định danh điện tử.

5. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 469-KH/TU, Kế hoạch số 211/KH-UBND, Kế hoạch số 92/KH-UBND, Kế hoạch số 09-KH/ĐU và các nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Đa Kì giai đoạn năm 2025 - 2030, hướng đến năm 2045. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, đảm bảo đúng quy định, kịp thời, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã (thông qua phòng Văn hóa - Xã hội) để UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND xã;
- CT, các PCT. UBND xã;
- Như mục V;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đặng Hữu Khoái

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2030, HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đa Kia)

STT	Mục tiêu			Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	Chỉ tiêu	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2045	
1	Phủ sóng 5G cho người dân	100%	100% phủ sóng 6G	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Cán bộ, công chức, viên chức xã làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
3	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	$\geq 80\%$	100%	Trạm Y tế xã, Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã
4	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp xã	Mỗi năm có ít nhất 02 nhiệm vụ được triển khai	Mỗi năm có 10 nhiệm vụ được triển khai	Phòng Văn hóa - Xã hội
5	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế xã	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$	Phòng Kinh tế
6	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	$\geq 10\%$	Phấn đấu đạt mức khá, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương	Phòng Kinh tế

STT	Mục tiêu			Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	Chỉ tiêu	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2045	
7	Xếp hạng chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI)	Phần đầu thuộc nhóm trung bình cao của Tỉnh		Phòng Văn hóa - Xã hội
8	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có điều kiện	100%		Trung tâm Hành chính công
9	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	100%		Trung tâm Hành chính công
10	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100%		Trung tâm Hành chính công
11	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	100%		Trung tâm Hành chính công
12	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, DVC	100%		Trung tâm Hành chính công
13	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, DVC	100%		Trung tâm Hành chính công
14	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	100%		Văn phòng HĐND và UBND
15	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	100%		Văn phòng HĐND và UBND
16	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	$\geq 20\%$	70%	Phòng Văn hóa - Xã hội
17	Người dân có tài khoản định danh điện tử	$\geq 80\%$	100%	Công an xã

STT	Mục tiêu			Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	Chỉ tiêu	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2045	
18	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	$\geq 50\%$	85%	Trạm Y tế xã
19	Giao dịch không dùng tiền mặt	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	
20	Dân số 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	30%	85%	
21	Quản lý nhà nước hoàn toàn trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	100%		Phòng Văn hóa - Xã hội
22	Đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu	100% hệ thống thông tin trên địa bàn xã đạt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ các phương án đảm bảo theo cấp độ		Phòng Văn hóa - Xã hội
23	Doanh nghiệp công nghệ số		75% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Phòng Văn hóa - Xã hội

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA KIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2030, HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đa Kì)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1	Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị các quan điểm chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; các nhiệm vụ giải pháp để đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Các chương trình tuyên truyền	Thường xuyên	
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã			Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
3	Tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia các cuộc thi, phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Thường xuyên	
4	Triển khai chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh về phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Chương trình/ Kế hoạch triển khai của UBND xã, các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
5	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của các phòng, đơn vị; đưa ra lộ trình thực hiện và bám sát các mục tiêu Kế hoạch đề ra	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Chương trình/ kế hoạch công tác hàng năm của các phòng, đơn vị	Quý I hàng năm	
6	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị, hướng tới tối thiểu đạt 25%	Phòng Văn hóa - Xã hội (Theo hướng dẫn của Sở Nội vụ)	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Đạt tỷ lệ 25% cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo đơn vị	Thường xuyên	
II	Triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật mới để tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
7	Triển khai có hiệu quả các Luật, nghị định, quy định, chính sách, đề án, dự án của Quốc hội, Chính phủ, các	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Văn bản triển khai	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
	Bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các quy định để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số					
8	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành để kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã			Thường xuyên	
9	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Trung tâm phục vụ Hành chính công	Các Quyết định của UBND xã	Thường xuyên	
10	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (<i>đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...</i>); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Trung tâm phục vụ Hành chính công	Các Quyết định của UBND xã	Năm 2026 và các năm tiếp theo	
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
11	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Hoàn thành và ứng dụng các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Năm 2026 và các năm tiếp theo	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
12	Triển khai các nền tảng số dùng chung đảm bảo hiệu quả, tối ưu nguồn lực. Ưu tiên triển khai các nền tảng số dùng chung cho các cơ quan; nền tảng số an toàn phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã			Tháng 12/2025 và các năm tiếp theo	
13	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã			Năm 2026 và các năm tiếp theo	
14	Phối hợp triển khai chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số, phát triển hạ tầng số, hạ tầng 5G trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Chương trình/Kế hoạch của UBND xã	Năm 2026 và các năm tiếp theo	
15	Tích cực khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia.	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã			Thường xuyên	
16	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn xã	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng	Thường xuyên	
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
17	Triển khai thực hiện các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa – Xã hội		Thường xuyên	
18	Kế hoạch triển khai các nội dung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về xây dựng và	Phòng Văn hóa - Xã hội			Kế hoạch	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
	phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới					
19	Triển khai nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục số, nâng cao năng lực số trong xã hội. Chú trọng triển khai các nền tảng số dùng chung trong giáo dục và đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội		Báo cáo thực hiện hàng năm	Thường xuyên	
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					
20	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Kế hoạch	Hàng năm	
21	Mỗi đơn vị phải đảm bảo bộ dữ liệu của mình “đúng, đủ, sạch, sống”	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”	Thường xuyên	
22	Số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Thường xuyên	
23	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Trung tâm phục vụ Hành chính công		Thường xuyên	
24	Phối hợp, triển khai chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Trung tâm phục vụ Hành chính công		Thường xuyên	
25	Phối hợp triển khai kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước hoàn toàn trên môi trường số	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Kế hoạch	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
26	Tổ chức chương trình nâng cao kỹ năng số cho người dân hoặc các chương trình hỗ trợ người dân thực hiện số hóa và nộp hồ sơ; triển khai các hoạt động truyền thông chủ động và minh bạch; truyền tải lợi ích của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tăng tương tác 2 chiều giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp, Trung tâm phục vụ Hành chính công		Đến hết năm 2027	
27	Triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn xã; phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng	Công an xã, Văn phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã		Thường xuyên	
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
28	Phối hợp triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Kế hoạch của UBND xã	Đến hết năm 2027	
29	Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch để nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù của xã	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Kế hoạch/chương trình của UBND xã	Đến hết năm 2027	
30	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Chương trình/Kế hoạch được ban hành	Đến hết năm 2027	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian	Ghi chú
31	Thực hiện tuyên truyền, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu của xã trong công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Chương trình tuyên truyền, quảng bá	Thường xuyên	
32	Tổ chức học tập kinh nghiệm các xã, xã có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn xã	Chương trình học tập được triển khai	Thường xuyên	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA KIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục III
DANH MỤC ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
GIAI ĐOẠN NĂM 2025-2030, HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đa Kì)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Ghi chú giai đoạn 2030-2045 thực hiện tương tự như những năm trước
I	Các nội dung thực hiện chuyển đổi số								
1	Nâng cao chất lượng đội ngũ								
1.1	Tổ chức các hội nghị về “Chính quyền điện tử và chuyển đổi số”	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban chuyên môn xã	50	50	50	50	50	
1.2	Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ CNTT, ATTT, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh cho các cán bộ chuyên trách, công chức	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban chuyên môn xã	50	50	50	50	50	
1.3	Tập huấn sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh								
1.3.1	Tập huấn phần mềm: Ecabinet, Quản lý văn bản	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban chuyên môn xã	10	10	10	10	10	

1.3.2	Tập huấn hệ thống AIMS (Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp)	Phòng Kinh tế		20	20	20	20	20	
1.4	Tổ chức tập huấn công dân điện tử, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, công dân số	Trung tâm Hành chính công		20	20	20	20	20	
2	Triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, ứng dụng (đề nghị NS tỉnh đầu tư) và (NS xã đầu tư) phục vụ Chuyển đổi số								
2.1	Xây dựng hạ tầng số, an toàn an ninh thông tin								
2.1.1	Mua sắm thiết bị văn phòng, phòng họp, màn hình hiển thị, nâng cấp mạng LAN, wifi	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng ban chuyên môn xã	300	300	300	300	300	
2.1.2	Trang bị thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị cấp xã để thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số, vận hành chính quyền số	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban chuyên môn xã	800	800	800	800	800	bảng LED TTHCC, các phòng ban
2.1.3	Đầu tư hệ thống thiết bị tại các thôn phục vụ nhu cầu tổ chức các hoạt động xã hội trên địa bàn xã	Văn phòng HĐND và UBND		2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	150/điểm
2.1.4	Nâng cấp, cài đặt hệ thống giám sát, điều hành ATTT (SOC, Endpoint...)	Sở KHCN	Các phòng, ban chuyên môn xã						Thụ hưởng
2.1.5	Triển khai Hệ thống đèn chiếu sáng thông minh	Phòng Kinh tế		1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	Cần khảo sát chọn tuyến đường cụ thể để triển khai
2.1.6	Triển khai Hệ thống Camera thông minh	Công an xã	Phòng Kinh tế	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	Cần khảo sát chọn tuyến đường cụ thể để triển khai
2.1.7	Triển khai hệ thống Truyền tin cảnh	Văn phòng		100	30	30	30	30	

	báo cháy, nổ tại trụ sở UBND xã	HĐND và UBND							
2.2	Xây dựng chính quyền số								
2.2.1	Đầu tư mở rộng công dịch vụ công, một cửa	Trung tâm Hành chính công		50	50	50	50	50	Thụ hưởng
2.2.2	Triển khai hệ thống IOC xã	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban chuyên môn	50	50	50	50	50	Thụ hưởng
2.2.3	Triển khai các CSDL chuyên ngành phục vụ Chuyển đổi số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban chuyên môn	50	50	50	50	50	Thụ hưởng
2.2.4	Triển khai hệ thống giám sát mạng xã hội	Phòng Văn hóa - Xã hội		50	50	50	50	50	Thụ hưởng
2.2.5	Xây dựng hệ thống đánh giá hài lòng người dân tại phòng một cửa.	Văn phòng HĐND và UBND		150	150	150	150	150	
2.2.6	Trợ lý ảo IOC	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban chuyên môn	99	99	99	99	99	
2.2.7	Xây dựng hệ thống hồ sơ lưu trữ	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban chuyên môn	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	
2.2.8	Trợ lý AI cho cán bộ	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban chuyên môn	180	180	180	180	180	
2.2.9	Quản lý thu phí dịch vụ	Trung tâm Hành chính công		200	200	200	200	200	
2.2.10	Quản lý áp	Phòng Văn hóa - Xã hội		200	200	200	200	200	
2.2.11	Triển khai hệ thống quan trắc giám sát nước sạch	Phòng Văn hóa - Xã hội		1000	150	1000	300	300	
2.3	Xây dựng kinh tế số								
2.3.1	Triển khai phần mềm Quản lý hộ kinh doanh cá thể	Phòng Kinh tế		500	500	500	500	500	
2.4	Xây dựng xã hội số								
2.4.1	Nâng cấp hệ thống camera an ninh	Công an xã	Phòng Kinh tế	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	Thay đổi theo

	giao thông								số lượng cam
2.4.2	Xây dựng nền tảng định danh điện tử cho công dân	Công an xã							Thụ hưởng
3	Chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực								
3.1	Triển khai các giải pháp Giáo dục thông minh								
3.1.1	Triển khai phần mềm đánh giá mức độ chuyển đổi số giáo dục cho các trường TH và THCS	Phòng Văn hóa - Xã hội		42	42	42	42	42	Cho phép người dùng xem các thông tin tổng quan thực trạng chuyển đổi số của trường mình theo từng tiêu chí trong 2 nhóm tiêu chí về dạy học và quản trị;
3.1.2	Triển khai lớp học thông minh THCS	Phòng Văn hóa - Xã hội		950	130	130	130	130	Một lớp học THCS
3.1.3	Chuyển đổi số ngành giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội		600	600	600	600	600	-Chữ ký số cá nhân SmartCA cho giáo viên các trường Tiểu học và THCS - Học bạ số cho học sinh khối trường Tiểu học và THCS - Phân hệ phần mềm Quản lý Hồ sơ giáo dục

									điện tử cho các trường TH và THCS - Phân hệ phần mềm Quản lý giáo án điện tử cho các trường TH và THCS - Phân hệ phần mềm Đánh giá mức độ chuyển đổi số giáo dục DTI cho các trường TH và THCS - Phân hệ Phần mềm quản lý thiết bị cho các trường cho các trường TH và THCS - Phân hệ phần mềm Quản lý sức khỏe học sinh - Cổng thông tin điện tử cho các trường cho các trường - Phần mềm hỗ trợ học và thi trực tuyến
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

									LMS cho các trường cấp TH và THCS - Phần mềm Thư viện số DigiLib cho các trường cấp TH và THCS
3.1.4	Trang bị các thiết bị và đường truyền Wifi tốc độ cao cho các trường	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường trên địa bàn	1,437	238	238	238	238	
3.2	Triển khai giải pháp y tế thông minh								
3.2.1	Triển khai các phần mềm trong Quản lý khám chữa bệnh đáp ứng tiêu chuẩn bệnh viện thông minh. (HIS LIS RIS PACS EHC KIOSK EMR)	Trạm Y tế xã							Thụ hưởng
3.2.2	Triển khai hệ thống quản lý Y tế cơ sở HMIS	Trạm Y tế xã							Thụ hưởng
3.3	Triển khai giải pháp lĩnh vực Tài nguyên môi trường								
3.3.1	Triển khai phần mềm Tài nguyên môi trường (quản lý đất đai)	Phòng Kinh tế							Thụ hưởng
3.4	Triển khai nông nghiệp thông minh								
3.4.1	Triển khai hệ thống quản lý hợp tác xã (quản lý xã viên) cho các Hợp tác xã	Phòng Kinh tế		45	45	45	45	45	Cho Hợp tác xã và Hội nông dân
3.4.2	Triển khai hệ thống Cơ sở dữ liệu nông nghiệp	Phòng Kinh tế							Thụ hưởng
III	Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai								
1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác	Phòng Văn hóa -		30	30	30	30	30	

	triển khai (Giám sát kết quả triển khai từng giai đoạn)	Xã hội							
2	Tổ chức hội nghị sơ kết công tác triển khai chuyển đổi số hàng năm (Đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo)	Phòng Văn hóa - Xã hội		40	40	40	40	40	
Tổng cộng				5,624	4,121	4,971	4,271	4,271	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA KÌA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục IV
CÁC NỘI DUNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
GIAI ĐOẠN 2025-2030, HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đa Kì)

STT	Tên Đề tài/Đề án	Ghi chú
I. Lĩnh vực Công nghệ thông tin – Chuyển đổi số		
1	Nghiên cứu, ứng dụng Hệ thống Trợ lý Ảo sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI Assistant) dành cho cán bộ, công chức của xã.	
2	Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực; hỗ trợ công tác phục vụ hành chính công trên địa bàn xã.	
3	Nghiên cứu sử dụng ảnh vệ tinh độ phân giải cao để quản lý, giám sát tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã.	
4	Xây dựng AI cho các ngành khoa học và công nghệ; nông nghiệp và môi trường; y tế trên địa bàn xã.	
5	Nghiên cứu xây dựng bản đồ công nghệ đối với các ngành công nghiệp trọng yếu (Công nghiệp logistics và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; Công nghiệp chế biến bảo quản nông sản và thực phẩm sau thu hoạch).	
6	Nghiên cứu triển khai các giải pháp 5G và IoT để tối ưu hóa việc giám sát môi trường, năng lượng và quản lý giao thông.	
7	Xây dựng các đề tài nghiên cứu về phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch, dự báo kinh tế, và quản lý xã hội.	
8	Nghiên cứu, ứng dụng AI vào các ngành sản xuất trọng điểm để tự động hóa quy trình, kiểm tra chất lượng sản phẩm.	
9	Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm xây dựng hệ thống chính quyền số, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến một cách hiệu quả và minh bạch.	
10	Nghiên cứu, ứng dụng CNTT, BigData, AI, IoT để xây dựng các mô hình thông minh trên địa bàn xã bao gồm quản lý giao thông, an ninh trật tự và quản lý tài nguyên.	

STT	Tên Đề tài/Đề án	Ghi chú
11	Phát triển các nền tảng thương mại điện tử địa phương để hỗ trợ các sản phẩm đặc trưng của xã (OCOP) và các doanh nghiệp nhỏ.	
12	Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp thanh toán điện tử, an toàn thông tin trong giao dịch trực tuyến.	
13	Nghiên cứu ứng dụng CNTT để tự động hóa quy trình sản xuất nông nghiệp (như hệ thống tưới tiêu thông minh, giám sát sâu bệnh bằng drone).	
14	Phát triển các hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp bằng công nghệ blockchain để tăng cường niềm tin cho người tiêu dùng.	
II. Lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp		
1	Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp và công nghệ nhằm quản lý hiệu quả chất lượng chuỗi nông sản, đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.	
2	Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn xã.	
3	Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các giải pháp tự động hóa và cơ giới hóa các quy trình trong nông nghiệp.	
4	Phát triển các hệ thống canh tác chính xác sử dụng dữ liệu để tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên (nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).	
5	Xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh cho các tiểu ngành cụ thể (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) nhằm đạt hiệu quả cao và giảm thiểu rủi ro.	
6	Đề xuất ứng dụng Blockchain để tăng cường minh bạch, truy xuất nguồn gốc và an toàn trong chuỗi cung ứng nông sản, giúp nâng cao giá trị và niềm tin của người tiêu dùng.	
7	Nghiên cứu và ứng dụng các chế phẩm sinh học (phân bón sinh học, thuốc trừ sâu sinh học, vắc-xin cho vật nuôi, probiotics cho nuôi trồng thủy sản) nhằm giảm thiểu việc sử dụng hóa chất, bảo vệ môi trường và hướng tới nông nghiệp bền vững.	
8	Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ sinh học trong xử lý và bảo quản sau thu hoạch nhằm giảm thất thoát, kéo dài thời gian sử dụng và nâng cao giá trị nông sản.	
9	Phát triển các phương pháp chẩn đoán nhanh, chính xác dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản bằng công nghệ sinh học phân tử.	
III. Lĩnh vực chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân		
1	Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm đặc thù tại địa phương, đặc biệt là khu vực đông dân.	

STT	Tên Đề tài/Đề án	Ghi chú
2	Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện, giúp tự động hóa các quy trình hành chính, tài chính, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm tải cho cán bộ y tế.	
3	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chẩn đoán hình ảnh (CT, MRI) để tăng độ chính xác và tốc độ.	
4	Ứng dụng robot y tế trong phẫu thuật, đặc biệt là phẫu thuật nội soi, để giảm thiểu xâm lấn và rút ngắn thời gian hồi phục cho người bệnh.	
5	Ứng dụng công nghệ để chuẩn hóa quy trình trồng trọt, thu hoạch và chế biến dược liệu.	
6	Nghiên cứu xây dựng nền tảng tư vấn sức khỏe từ xa cho người dân, đặc biệt ở các vùng nông thôn, vùng sâu.	
7	Ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý thông tin bệnh án, giúp bác sĩ chẩn đoán nhanh và chính xác hơn.	
IV. Lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu		
1	Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, áp dụng các thành tựu về trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực để bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quan trắc và cảnh báo môi trường.	
2	Ứng dụng công nghệ hiện đại nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ và được kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành.	
3	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ phục vụ hoạt động quan trắc, thu thập, xử lý, quản lý các dữ liệu tài nguyên và môi trường.	
4	Ứng dụng và phát triển công nghệ Biogas trong sản xuất năng lượng tái tạo từ các chất hữu cơ, chất thải chăn nuôi, bùn thải, đặc biệt là tại các trang trại chăn nuôi.	
5	Nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý và kiểm soát chất lượng không khí, tài nguyên nước, tài nguyên đất.	
V. Công nghiệp, thương mại, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông		
1	Nghiên cứu phát triển, ứng dụng hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu dược liệu, nông sản, thủy sản, công nghệ sau thu hoạch, cơ giới hóa trong nông nghiệp.	
2	Nghiên cứu phát triển tự động hóa, cải tiến thiết bị trong sản xuất nhằm tăng năng suất và giảm áp lực về nhân lực lao động.	
3	Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, phát triển ngành nghề truyền thống tại địa phương.	

STT	Tên Đề tài/Đề án	Ghi chú
4	Xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng, nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường các sản phẩm mới, nhất là sản phẩm giá trị cao từ nông sản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình OCOP, phát triển ngành nghề nông thôn.	
5	Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics thông minh, thương mại điện tử, phát triển thị trường tiêu dùng trực tuyến nhằm tìm kiếm các thị trường mới thay cho các thị trường truyền thống.	
6	Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, sản phẩm vật liệu xây dựng.	
VI. Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh		
1	Nghiên cứu phát triển, ứng dụng và làm chủ công nghệ, đảm bảo các phương tiện hậu cần, kỹ thuật và xây dựng khu vực phòng thủ trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao.	
2	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự ở các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm; an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa; an ninh thông tin, an ninh kinh tế, trật tự an toàn xã hội;	
3	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn.	
4	Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực an ninh trật, trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đặc biệt tội phạm công nghệ cao, an ninh mạng.	
5	Nghiên cứu cải tiến, nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin liên lạc và thông báo báo động phòng không nhân dân, vật liệu nguy trang trong tác chiến điện tử.	
VII. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn		
1	Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.	
2	Nghiên cứu chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; giải quyết các vấn đề về tôn giáo, văn hóa ứng xử; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn hóa công vụ và đạo đức công vụ.	
3	Đề xuất cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, du lịch, thể dục - thể thao.	
4	Nghiên cứu các vấn đề đạo đức, pháp lý trong việc ứng dụng AI, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như giáo dục, y tế và quản trị công.	
5	Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Xây dựng đề án phát triển và trọng dụng nhân tài, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành.	

STT	Tên Đề tài/Đề án	Ghi chú
6	Đề xuất chính sách để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các ngành ưu tiên như Toán, Vật lý, Sinh học, Kỹ thuật và Công nghệ. Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo tiến sĩ ngành STEM.	
7	Xây dựng cơ chế, chính sách để triển khai mô hình hợp tác "3 Nhà": Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp.	
8	Đề xuất cơ chế khuyến khích thành lập các doanh nghiệp khởi nghiệp, kết nối nhà khoa học và doanh nghiệp để thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ.	
9	Nghiên cứu và đề xuất các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn, mặt bằng, và thủ tục hành chính cho các startup công nghệ.	